

Lưu Hồn Vũ

By qnujs

WORD COUNT

4477

TIME SUBMITTED

21-AUG-2025 09:31AM

PAPER ID

117823541

A semantic analysis of the locative word “ngoài”

ABSTRACT

A locative word is a word that denotes direction and location. The word “ngoài” (outside) is one of the Vietnamese locative words, typically occurring in the structure “ngoài X”. Based on a corpus of 264,400 characters, the study finds that the locative word “ngoài” in the structure “ngoài X” has a relatively low frequency of use (0.617‰) and conveys both spatial and non-spatial meanings. In its spatial meaning, the reference object of this locative word may belong to four types of space: zero-dimensional space, one-dimensional space, two-dimensional space, and three-dimensional space. In its non-spatial meaning, the locative word ngoài exhibits four types of metaphorical extensions: (1) domain; (2) organization or institution; (3) environment or circumstance; and (4) time.

Keywords: *semantic, locative word, ngoài.*

Phân tích ngữ nghĩa của phương vị từ “ngoài”

TÓM TẮT

Phương vị từ là từ biểu thị phương hướng và vị trí. Từ “ngoài” là một trong những phương vị từ của tiếng Việt, thường xuất hiện trong cấu trúc “ngoài X”. Trên cơ sở nguồn ngữ liệu có quy mô 264.400 chữ, nghiên cứu phát hiện phương vị từ “ngoài” trong cấu trúc “ngoài X” có tần suất sử dụng tương đối thấp (0,617%), vừa có nghĩa không gian, vừa có nghĩa phi không gian. Khi mang nghĩa không gian, vật mốc của phương vị từ này thuộc loại không gian không nhiều (điểm), không gian một chiều (đường), không gian hai chiều (mặt) và không gian ba chiều (khối). Khi mang nghĩa phi không gian, phương vị từ này có bốn loại ẩn dụ: Một là phạm vi; Hai là cơ quan tổ chức; Ba là môi trường hoàn cảnh; Bốn là thời gian.

Từ khóa: ngữ nghĩa, phương vị từ, ngoài.

1. MỞ ĐẦU

Theo Từ điển từ công cụ tiếng Việt của Đỗ Thanh (2007), từ “ngoài” có bốn nghĩa: ① chỉ địa điểm; ② dùng trước danh từ, chỉ khoảng thời gian sau một thời lượng, thời điểm nào đó không lâu; ③ dùng trước danh từ, chỉ phạm vi không nằm trong một giới hạn nào đó; ④ dùng trước danh từ, chỉ phạm vi gì khác, không kể những cái đã được xác định. Tuy nhiên, tác giả không đề cập từ loại của từ “ngoài”.

Từ điển giải thích hư từ tiếng Việt của Hoàng Trọng Phiến (2008) cho rằng, từ “ngoài” là giới từ, có một nghĩa là biểu thị phương hướng của hành động, lấy điểm gốc từ người nói đối với điểm mốc của vị trí hướng đến.

Theo Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên (2020), từ “ngoài” vừa là danh từ vừa là kết ngữ. Khi là danh từ, từ “ngoài” có bảy nghĩa: ① phía những vị trí không thuộc phạm vi được xác định nào đó; ② tập hợp những vị trí tuy thuộc phạm vi được xác định nào đó, nhưng nằm ở bề mặt hoặc ở ranh giới và hướng ra phía những vật xung quanh; ③ phía trước so với phía sau, hoặc phía những vị trí ở xa trung tâm so với phía những vị trí ở gần trung tâm; ④ vùng địa lý ở vào phía bắc so với địa phương được xác định làm mốc, trong phạm vi đất nước Việt Nam; ⑤ khoảng thời gian không lâu sau thời điểm xác định làm mốc; ⑥ phạm vi không nằm trong phạm vi được xác định; ⑦ phạm vi những gì khác, không kể những cái được xác định. Khi là kết ngữ, từ “ngoài” có một nghĩa là biểu thị vị trí của sự kiện, hiện tượng, hành động tồn tại hoặc xảy ra được coi là không thuộc phạm vi của vị trí lấy làm mốc.

Có thể thấy, các sách công cụ khác nhau có những hạn định khác nhau về nghĩa và từ loại của từ “ngoài”. Tuy nhiên, cho dù thuộc từ loại nào, từ “ngoài” đều có nghĩa không gian là biểu thị

phương hướng và vị trí, đồng thời còn có các nghĩa phi không gian. Điều này cũng giống như các từ “trên, dưới, trước, sau, trong”. Vì vậy, theo chúng tôi, có thể gọi từ “ngoài” nói riêng, các từ biểu thị phương hướng và vị trí nói chung là phương vị từ, không chỉ biểu thị ý nghĩa không gian, mà còn biểu thị ý nghĩa phi không gian. Ngữ nghĩa của phương vị từ “ngoài” tuy đã được sách công cụ giải thích khá chi tiết. Song trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi phân tích góc độ ngôn ngữ học tri nhận tìm hiểu kết cấu ngữ nghĩa của phương vị từ “ngoài” khi xuất hiện trong cấu trúc “ngoài X”.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng lý thuyết về ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor) và lý thuyết về lược đồ hình ảnh (image schema) của ngôn ngữ học tri nhận làm cơ sở lý luận.

2.1. Ẩn dụ ý niệm

Lý thuyết về ẩn dụ ý niệm ra đời từ tác phẩm *Women, Fire, and Dangerous Things* của Lakoff và Johnson (1980). Theo Lakoff (1993), ẩn dụ là quá trình ánh xạ có tính hệ thống từ miền ý niệm cụ thể sang miền ý niệm trừu tượng; ẩn dụ là vấn đề thuộc bình diện tư duy, chứ không phải thuộc bình diện biểu đạt ngôn ngữ.

Lakoff và Johnson (1980) đã chia các ẩn dụ thường quy thành ba loại chính: ẩn dụ cấu trúc (structural metaphor), ẩn dụ phương vị (orientational metaphor) và ẩn dụ thực thể (ontological metaphor). Ẩn dụ cấu trúc là việc dùng cấu trúc của một ý niệm để kiến tạo nên một ý niệm khác, làm cho hai ý niệm chồng lấp lên nhau, sử dụng các từ ngữ vốn dùng để nói về nhiều phương diện của một ý niệm để diễn đạt một ý niệm khác, từ đó tạo ra hiện tượng một từ có nhiều cách dùng. Ẩn dụ phương vị là những ẩn dụ ý niệm được hình thành dựa trên cơ sở

tham chiếu các phương vị không gian như trên - dưới, trong - ngoài, trước - sau, sâu - cạn, tâm - biên v.v. Các phương vị không gian này bắt nguồn từ sự tương tác giữa con người và giới nhiên, được hình thành từ rất sớm, là ý niệm cơ bản nhất mà con người phụ thuộc vào để sinh tồn, là ý niệm có thể trực tiếp tiếp xúc được; con người sử dụng những ý niệm này để miêu tả những ý niệm trừu tượng như tình cảm, tình trạng sức khoẻ, địa xã hội, số lượng v.v., từ đó hình thành nên việc sử dụng các từ ngữ chỉ phương vị để biểu đạt những ý niệm trừu tượng. Ấn tượng thực thể là kiểu ẩn dụ sử dụng vật chất hay thực thể để nhận thức và biểu đạt những kinh nghiệm trừu tượng của con người, như tư tưởng, tình cảm, hoạt động tâm lí, sự kiện, trạng thái v.v.

2.2. Lực đồ hình ảnh

Lực đồ hình ảnh là một khái niệm được đưa ra từ trong lý thuyết về ẩn dụ ý niệm (Lakoff & Johnson, 1980). Sau, lực đồ hình ảnh được mở rộng đến các nghiên cứu trong những lĩnh vực khác nhau. Các học giả (Johnson, 1987; Lakoff, 1987; Gibbs & Colston, 1995; Mandler, 2004) đã đưa ra nhiều định nghĩa về lực đồ hình ảnh, với những cách biểu đạt khác nhau, song đều có điểm giống nhau về nội dung cốt lõi của lực đồ hình ảnh.

Có nhiều loại lực đồ hình ảnh khác nhau (Hampe & Grady, 2005). Trong đó, thường thấy nhất là lực đồ VẬT CHỨA (CONTAINER), lực đồ NGUỒN - ĐƯỜNG DẪN - ĐÍCH (SOURCE - PATH - GOAL), lực đồ LIÊN KẾT (LINK), lực đồ BỘ PHẬN - CHÍNH THỂ (PART - WHOLE), lực đồ TÂM - BIÊN (CENTER - PERIPHERY), lực đồ CÂN BẰNG (BALANCE), lực đồ TRONG - NGOÀI (IN - OUT), lực đồ TRƯỚC - SAU (FRONT - BACK), lực đồ TRÊN - DƯỚI (UP - DOWN) v.v.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN NGŨ LIỆU

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả và phương pháp định lượng. Định lượng trong nghiên cứu này được thực hiện tính toán tần suất xuất hiện của các phương vị từ, thống kê số lượng và tỉ lệ phân trăm các loại nghĩa không gian và phi không gian của các phương vị từ.

Nguồn ngữ liệu mà chúng tôi sử dụng trong nghiên cứu này là tiểu thuyết *Mãi không nhắm mắt* (tác giả: Hải Nham, Nhà xuất bản Văn hoá Sài Gòn, 2009), có quy mô khoảng 246.400 chữ. Chúng tôi sử dụng công cụ AntConc để trích xuất các trường hợp sử dụng phương vị từ “ngoài”.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết cấu ngữ nghĩa của phương vị từ “ngoài”

Trong nguồn ngữ liệu tiếng Việt, chúng tôi tìm được 315 trường hợp có từ “ngoài”. Sau khi loại bỏ các trường hợp phương vị từ ghép (như “bên ngoài”), từ/ cụm từ “ngoài X” (như “ngoài ra”, “ngoài lề”, “ngoài mặt”, “ngoài miệng”) hoặc “ngoài X” (như “trong ngoài”, “bên ngoài”) đã từ vựng hoá, chúng tôi có được 152 trường hợp có phương vị từ “ngoài”, chiếm tỉ lệ 48,3%. Tần suất xuất hiện của phương vị từ “ngoài” trong ngữ liệu là 0,617‰.

Căn cứ vào tính chất không gian, chúng tôi chia nghĩa của phương vị từ “ngoài” thành hai loại là nghĩa không gian và nghĩa phi không gian. Trong đó, nghĩa phi không gian là kết quả của ẩn dụ ngữ nghĩa từ miền không gian sang miền phi không gian, xảy ra trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Phân bố các loại nghĩa của phương vị từ “ngoài” được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Kết cấu nghĩa của phương vị từ “ngoài”

Loại nghĩa	Số lượng	Tỉ lệ
Nghĩa không gian	62	40,8%
Nghĩa phi không gian	90	59,2%
Tổng cộng	152	100%

Bảng 1 cho thấy, trong kết cấu ngữ nghĩa của phương vị từ “ngoài”, nghĩa không gian chiếm tỉ lệ 40,8%, còn nghĩa phi không gian chiếm tỉ lệ 59,2%. Nghĩa phi không gian cao gấp hơn 1,4 lần nghĩa không gian. Điều này cho thấy, sự khác biệt tần số sử dụng giữa nghĩa không gian và nghĩa phi không gian của phương vị từ này không lớn.

4.2. Nghĩa không gian của phương vị từ “ngoài”

Căn cứ vào đặc điểm loại không gian của vật mốc, có thể chia vật mốc thành bốn loại là không gian không chiều (điểm), không gian một chiều (đường), không gian hai chiều (mặt) và không gian ba chiều (khối). Nghĩa không gian của phương vị từ “ngoài” cũng vì thế có thể chia làm bốn loại: Một là vật mốc là loại không gian không chiều; Hai là vật mốc là loại không gian một chiều; Ba là vật mốc là loại không gian hai chiều; Bốn là vật mốc là loại không gian ba chiều. Số lượng và tỉ lệ nghĩa không gian của phương vị từ “ngoài” theo loại vật mốc được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Phân bố nghĩa không gian của phương vị từ “ngoài”

Loại không gian	Số lượng	Tỉ lệ
Không gian không chiều	4	6,4%
Không gian một chiều	15	24,2%
Không gian hai chiều	38	61,3%
Không gian ba chiều	5	8,1%
Tổng cộng	62	100%

Bảng 2 cho thấy, vật mốc của phương vị từ “ngoài” có loại không gian không chiều, không gian một chiều, không gian hai chiều và không gian ba chiều. Trong đó, vật mốc là loại không gian hai chiều chiếm tỉ lệ cao nhất (61,3%), kế đến lần lượt là vật mốc là loại không gian một chiều (24,2%), loại không gian ba chiều (8,1%), sau cùng là vật mốc là loại không gian không chiều (6,4%). Điều này cho thấy, khi biểu đạt nghĩa không gian, vật mốc của phương vị từ “ngoài” chủ yếu là loại không gian hai chiều.

4.2.1. Vật mốc là không gian không chiều

Trong nguồn ngữ liệu, có 4 trường hợp vật mốc của phương vị từ “ngoài” là loại không gian không chiều, đều là vị trí mà sự vật nói đến tồn tại. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: ấy (1 trường hợp), chỗ (1 trường hợp), kia (2 trường hợp). Ví dụ:

(1) Đẻ anh ra ngủ ngoài ấy!

(2) Lúc chuẩn bị ra về, Khánh Xuân gọi cô chuyên viên Cục thuế ra ngoài chỗ vắng.

(3) Em không muốn cãi nhau với anh, chỉ muốn hẹn anh ra ngoài kia nói chuyện.

Trong các ví dụ từ (1) đến (3), “ngoài ấy”, “ngoài chỗ vắng”, “ngoài kia” không biểu thị một nơi ở phía ngoài của “ấy”, “chỗ vắng”, “kia”, mà biểu thị vị trí mà sự vật nói đến tồn tại ở ngay “ấy”, “chỗ vắng”, “kia”. Ở ví dụ (2), có thể lược bỏ phương vị từ “ngoài”. Ở ví dụ (1) và (3), có thể thay phương vị từ “ngoài” bằng từ “chỗ”.

4.2.2. Vật mốc là không gian một chiều

Trong nguồn ngữ liệu, có 15 trường hợp vật mốc của phương vị từ “ngoài” là loại không gian một chiều, có thể chia làm hai loại: Một là vật mốc như đường ranh giới, được hiểu là có sự phân chia một khu vực thành hai phần, có 4 trường hợp (chiếm tỉ lệ 26,7%); Hai là vật mốc là vị trí mà sự vật nói đến tồn tại, có 11 trường hợp (chiếm tỉ lệ 73,3%).

Vật mốc như một đường ranh giới. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: bắc (1 trường hợp), tám mắt (1 trường hợp), vườn (1 trường hợp), xe (1 trường hợp). Ví dụ:

(4) Chỉ dựa vào sự cung cấp của các phạm nhân cũng đã thấy đường dây của hắn rải khắp Bắc Kinh, Thiên Tân, khu Đông Bắc và đến tận Quảng Đông, có thể nói là khắp trong nam ngoài bắc, bên ngoài và bên trong Vạn Lý trường thành.

(5) Chiếc hồ không còn nhỏ và tù túng như ngày trước mà biến thành mênh mông bát ngát, ngút ngàn vượt ra ngoài tầm mắt của anh.

(6) Tất cả đều đã trở lại bình thường, trong nhà ngoài vườn đều yên tĩnh như mọi ngày, mọi người hình như đều đã tan mác về các gian xưởng.

(7) Thân hình của gã đại hán nửa trong xe nửa ngoài xe, đổ ụp xuống.

Vật mốc vị trí mà sự vật nói đến tồn tại. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: đường (4 trường hợp), hành lang (2 trường hợp), phố (5 trường hợp). Ví dụ:

(8) Sau bữa cơm, Tiêu Đồng rời khỏi khách sạn, lang thang ngoài đường để cho từng cơn gió lạnh tấp vào mặt mình.

(9) Muốn thế thì cứ ra ngoài hành lang mà ngủ, em không cần đâu!

(10) Ông còn nói, bánh sùì cào bán ngoài phố không còn mùi vị truyền thống nữa.

Trong các ví dụ từ (8) đến (10), “ngoài đường”, “ngoài hành lang”, “ngoài phố” không biểu thị một nơi ở phía ngoài của “đường”, “hành lang”, “phố”, mà biểu thị vị trí mà sự vật nói đến tồn tại “đường”, “hành lang”, “phố”. Ở ví dụ (9), có thể lược bỏ phương vị từ “ngoài”. Ở ví dụ (8) và (10), có thể thay phương vị từ “ngoài” bằng phương vị từ “trên”.

4.2.3. Vật mốc là không gian hai chiều

Trong nguồn ngữ liệu, có 38 trường hợp vật mốc của phương vị từ “ngoài” là loại không gian hai chiều, có thể chia làm hai loại: Một là bên ngoài vật mốc là vị trí mà sự vật nói đến tồn tại, có 26 trường hợp (chiếm tỉ lệ 68,4%); Hai là vật mốc là vị trí mà sự vật nói đến tồn tại, có 12 trường hợp (chiếm tỉ lệ 32,6%).

Bên ngoài vật mốc là vị trí mà sự vật nói đến tồn tại. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: công (13 trường hợp), cửa (10 trường hợp), cửa sổ (2 trường hợp), ga (1 trường hợp). Ví dụ:

(11) Không còn thấy bóng dáng Đỗ Trường Phát và mọi người **ngoài** cổng nữa.

(12) Những người đưa Tân Dân đến bệnh viện vẫn còn đứng ở **ngoài** cửa phòng cấp cứu.

(13) Khánh Xuân im lặng, ánh mắt nhìn mông lung ra **ngoài** cửa sổ.

(14) Ý định của Khánh Xuân là lên cầu, đứng trên cao nhìn xuống để quan sát cho dễ, đồng thời cô cũng nghĩ ngờ là Âu Dương Thiên sẽ đi theo lối này mà ra **ngoài** ga.

Vật mốc **l** vị trí mà sự vật nói đến tồn tại. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: cổng (2 trường hợp), sân (4 trường hợp), sân cỏ (1 trường hợp), sân vận động (2 trường hợp), via hè (1 trường hợp), vườn (2 trường hợp). Ví dụ:

(15) Tam biển **ngoài** cổng có ghi “Xưởng chế biến hóa chất nông nghiệp thôn Tân Điền”.

(16) Tất cả đều ngơ ngác khi bị cảnh sát vũ trang lôi ra khỏi phòng, dẫn ra **ngoài** sân.

(17) Anh trông thấy Lư Lâm Đông đang đứng **ngoài** sân cỏ không giấu được vẻ tự hào và mãn nguyện trao đổi gì đó với huấn luyện viên.

(18) Có một cô gái muốn tìm anh, đang hỏi thăm các sinh viên đang đá bóng **ngoài** sân vận động.

(19) Có thể lái một chiếc BMW như vậy rõ ràng không phải là một cô bán hàng lẻ **ngoài** via hè đâu!

(20) Bốn ngày sau Tiêu Đồng bỏ dậy khỏi giường, vật vèo lê tấm thân ra **ngoài** vườn, ngồi dưới nắng.

Trong các ví dụ từ (15) đến (20), “ngoài cổng”, “ngoài sân”, “ngoài sân cỏ”, “ngoài sân vận động”, “ngoài via hè”, “ngoài vườn” không biểu thị một nơi ở phía ngoài của “cổng”, “sân”, “sân cỏ”, “sân vận động”, “via hè”, “vườn”, mà biểu thị vị trí mà sự vật nói đến tồn tại ở ngay “cổng”, “sân”, “sân cỏ”, “sân vận động”, “via hè”, “vườn”. Ở ví dụ (16) và (20), có thể lược bỏ phương vị **5** “ngoài”. Trong ví dụ (15) và (19), có thể thay phương vị từ “ngoài” bằng phương vị **5** “trên”. Ở ví dụ (17) và (18), có thể thay phương vị từ “ngoài” bằng phương vị từ “trên” hoặc phương vị từ “trong”.

4.2.4. **Vật mốc là không gian ba chiều**

Trong nguồn ngữ liệu, có 5 trường hợp vật mốc của phương vị từ “ngoài” là loại không gian ba chiều, đều là vị trí mà sự vật nói đến tồn tại. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: phòng khách (5 trường hợp). Ví dụ:

(21) Khánh Xuân và bố ngồi tiếp anh **ngoài** phòng khách, ở đó đã sắp sẵn bàn ăn.

Trong ví dụ (21), “ngoài phòng khách” không biểu thị một nơi ở phía **5** ngoài của “phòng khách”, mà biểu thị vị trí mà sự vật nói **5** tồn tại ở ngay “phòng khách”. Ở ví dụ này, phương vị từ “ngoài” có thể thay bằng từ “ở”.

4.3. **Nghĩa phi không gian của phương vị từ “ngoài”**

Nghĩa phi không **1** gian của phương vị từ “ngoài” không đa dạng. Trong số 90 trường hợp sử dụng phương vị từ “ngoài” với nghĩa phi không gian, có thể quy về bốn loại sau: Một là phạm vi; Hai là cơ quan tổ chức; Ba là môi trường hoàn **1** cảnh; Bốn là thời gian. Số lượng và tỉ lệ các loại nghĩa phi không gian của phương vị từ “ngoài” được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Phân bố nghĩa phi không gian của phương vị từ “ngoài”

Loại nghĩa phi không gian	Số lượng	Tỉ lệ
Phạm vi	82	91,1%
Cơ quan tổ chức	1	1,1%
Môi trường hoàn cảnh	5	5,6%
Thời gian	2	2,2%
Tổng cộng	90	1 100%

Bảng 3 cho thấy, nghĩa phi không gian thường sử dụng nhất của phương vị từ “ngoài” là phạm vi (91,1%), kế đến lần lượt là môi trường hoàn cảnh (5,6%), thời gian (2,2%), sau cùng là cơ quan tổ chức (1,1%).

4.3.1. **Phạm vi**

1 Trong nguồn ngữ liệu, có 82 trường hợp phương vị từ “ngoài” được dùng với nghĩa phi không gian là phạm vi, có thể quy về hai loại: Một là không sử dụng cấu trúc “ngoài.....ra”, có 57 trường hợp (chiếm tỉ lệ 69,5%); Hai là sử dụng cấu trúc “ngoài.....ra”, có 25 trường hợp (chiếm tỉ lệ 30,5%).

Không sử **1** dụng cấu trúc “ngoài.....ra”. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: anh (1 trường hợp), ánh sáng (1 trường hợp), cuốn sổ (1 trường hợp), dự đoán (3 trường hợp), dự kiến (1 trường hợp), dự liệu (1 trường hợp), dự tính (8 trường hợp), dự tưởng (1 trường hợp), kế hoạch (1 trường hợp), mục đích (1 trường hợp), quy định (1 trường hợp), quy luật (1 trường hợp), suy nghĩ (3 trường hợp), Tiêu Đồng (1 trường hợp), tính toán (1 trường hợp), tường tượng (10 trường

hợp), việc (9 trường hợp), vòng (1 trường hợp), ý muốn (5 trường hợp), “số lượng + danh từ” (6 trường hợp). Ví dụ:

(22) Không **ngoài** **dự đoán** của cô, Âu Dương Thiên đã đi theo.

(23) Sẽ có rất nhiều chuyện **ngoài** **dự tính** của chúng ta phát sinh.

(24) Cuộc vây ráp ở sân ga tuy diễn ra **ngoài** **kế hoạch** nhưng kết quả cũng rất mỹ mãn.

(25) Khánh Xuân không biết là mình đứng ở địa vị xã giao thông thường hay là nó đã vượt ra **ngoài** những quy định trong quan hệ đồng nghiệp.

(26) Cai thuốc rồi hút lại chiếm tỷ lệ 99%, cậu ta cũng không nằm **ngoài** **cái** quy luật khác nghiệt đó.

(27) Câu trả lời này càng **ngoài** **suy nghĩ** của Xuân Cường.

(28) Câu nói của Tiêu Đồng dường như nằm **ngoài** **tường tượng** của cô cảnh sát nên cô kêu lên tỏ vẻ không tin.

(29) **Ngoài** **việc** đi ăn cơm, cho đến bây giờ vẫn chưa phát hiện hân rồi khỏi phòng.

(30) Nếu có những gì diễn ra **ngoài** **ý** muốn cũng không sa vào tay của họ.

(31) Cô biết, ở đây không có ai cả **ngoài** **hai người**.

Sử dụng cấu trúc “ngoài.....ra”. Ví dụ:

(32) **Ngoài** **ba người** **ra** còn có năm sáu trinh sát viên của công an thành phố Lạc Dương.

(33) Đây, **ngoài** **chuyện công việc** **ra**, chúng ta có thể nói chuyện khác được không?

(34) **Ngoài** **một nụ cười** **ra** thì gương mặt ấy không còn biểu lộ bất kỳ một thái độ nào khác.

(35) **Ngoài** **người yêu hiện tại** **ra**, anh không được yêu cô nào khác nữa.

4.3.2. Cơ quan tổ chức

(1) Trong nguồn ngữ liệu, có 1 trường hợp phương vị từ “ngoài” được dùng với nghĩa phi không gian là cơ quan tổ chức. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: khoa (1 trường hợp). Ví dụ:

(36) Khi dắt chiếc xe đạp leo núi ra khỏi nhà xe, một sinh viên **ngoài** **khoa** chạy đến.

4.3.3. Môi trường hoàn cảnh

Trong nguồn ngữ liệu, có 5 trường hợp phương vị từ “ngoài” được dùng với nghĩa phi

không gian là môi trường hoàn cảnh. Tần số sử dụng phân bố cụ thể như sau: cuộc đời (1 trường hợp), xã hội (4 trường hợp). Ví dụ:

(37) Nói cách khác, nó chỉ còn là bộ hài cốt của cái đẹp thực tế ở **ngoài** **cuộc đời**.

(38) Cách quản lý kiểu người như Tiêu Đồng hoàn toàn không giống với những tai mắt **ngoài** **xã hội** của chúng ta.

Trong ví dụ (57) và (58), “ngoài cuộc đời”, “ngoài xã hội” không biểu thị bên ngoài “cuộc đời”, “xã hội”, mà biểu thị sự vật nói đến tồn tại trong “cuộc đời”, “xã hội”. Ở hai ví dụ này, phương vị từ “ngoài” có thể thay bằng phương vị từ “trong”.

4.3.4. Thời gian

(1) Trong nguồn ngữ liệu, có 2 trường hợp phương vị từ “ngoài” được dùng với nghĩa phi không gian là thời gian. Ví dụ:

(39) Lão Hoàng đã **ngoài** **bốn mươi tuổi**, có thể lời của lão chưa hẳn là chí lý nhưng rõ ràng là đầy kinh nghiệm.

(40) Y định gắn chặt cuộc đời mình vào một chàng trai mới **ngoài** **hai mươi** của cô tuy có phong vị lãng mạn thật nhưng lại là một chuyện quá sức phiền toái.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã thực hiện phân tích ngữ nghĩa của phương vị từ “ngoài” trong cấu trúc “ngoài X” từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, dựa trên lý thuyết về ẩn dụ ý niệm và lược đồ hình ảnh. Sử dụng phương pháp miêu tả và định lượng trên ngữ liệu 264.400 chữ từ tiêu thuyết *Mãi không nhắm mắt*, nghiên cứu phát hiện rằng phương vị từ “ngoài” có tần suất sử dụng tương đối thấp (0,617‰) và biểu thị cả nghĩa không gian lẫn phi không gian. Cụ thể, nghĩa phi không gian chiếm tỉ lệ cao hơn (34,2%) so với nghĩa không gian (40,8%), dù sự khác biệt về tần số sử dụng không lớn, minh chứng cho quá trình ảnh xạ ngữ nghĩa từ miền không gian sang miền phi không gian. Khi mang nghĩa không gian, vật mốc của “ngoài” có thể thuộc không gian 1 chiều, một chiều, hai chiều hoặc ba chiều, trong đó vật mốc là không gian hai chiều chiếm tỉ lệ cao nhất (61,3%). Khi mang nghĩa phi không gian, “ngoài” thể hiện bốn loại ẩn dụ ý niệm: phạm vi 1 cơ quan tổ chức, môi trường hoàn cảnh và thời gian. Trong đó, nghĩa phi không gian chỉ phạm vi là phổ biến nhất, chiếm 91,1%. Những kết quả này làm rõ kết cấu ngữ nghĩa đa dạng của từ “ngoài” trong tiếng Việt, góp phần vào việc hiểu sâu sắc hơn về ngữ nghĩa của các phương vị từ và ngôn ngữ học tri nhận.

47%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	jshou.edu.vn Internet	723 words — 16%
2	docsach24.co Internet	420 words — 9%
3	Ton Duc Thang University Publications	123 words — 3%
4	www.rung.vn Internet	116 words — 3%
5	Hanoi University Publications	85 words — 2%
6	muatruyen.com Internet	70 words — 2%
7	truyenfull.vn Internet	63 words — 1%
8	danhngonvn.com Internet	41 words — 1%
9	ambn.vn Internet	37 words — 1%
10	vjol.info.vn Internet	33 words — 1%
11	tailieu.vn	

32 words — 1 %

12 luanvan.net.vn
Internet

27 words — 1 %

13 sachtot.vn
Internet

27 words — 1 %

14 www.slideshare.net
Internet

23 words — 1 %

15 www.zbook.vn
Internet

21 words — < 1 %

16 Hanoi National University of Education
Publications

19 words — < 1 %

17 saudaihoc.ulis.vnu.edu.vn
Internet

19 words — < 1 %

18 Hanoi Pedagogical University 2
Publications

16 words — < 1 %

19 123docz.net
Internet

11 words — < 1 %

20 thuvienluanvan.net
Internet

11 words — < 1 %

21 giavemaybay.vn
Internet

10 words — < 1 %

22 jst.tnu.edu.vn
Internet

10 words — < 1 %

23 repository.ulis.vnu.edu.vn
Internet

10 words — < 1 %

24	Internet	10 words — < 1 %
25	truyenngontinh18.com Internet	10 words — < 1 %
26	www.rmcybernetics.com Internet	10 words — < 1 %
27	www.sachpdf.info Internet	10 words — < 1 %
28	hongbagai.blogspot.com Internet	9 words — < 1 %
29	luanvan.co Internet	9 words — < 1 %
30	thuocdongy.com.vn Internet	9 words — < 1 %
31	vietcadao.com Internet	9 words — < 1 %
32	Dương Hữu Biên. "NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN: TỪ LẬP TRƯỜNG CHUNG ĐẾN MỘT SỐ LUẬN THUYẾT CƠ BẢN", Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt, 2017 Crossref	8 words — < 1 %
33	csdl.vinachemia.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
34	diachidoanhnghiep.vn Internet	8 words — < 1 %
35	qnu.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
36	text.123docz.net Internet	8 words — < 1 %

37	vandoanviet.blogspot.com Internet	8 words — < 1 %
38	vi.wikipedia.org Internet	8 words — < 1 %
39	www.phiem-dam.com Internet	8 words — < 1 %
40	www.webtuyensinh.vn Internet	8 words — < 1 %
41	Trần Văn Quang, Trần Đình Toàn, Lê Mậu Long, Lê Minh Hưng. "PHÂN LOẠI HẠCH UNG THƯ PHỔI BẰNG MÔ HÌNH 3D-CNN", KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA LẦN THỨ XIII NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - Proceedings of the 13th National Conference on Fundamental & Applied Information Technology Research, 2020 Crossref	6 words — < 1 %
42	VNUA Publications	6 words — < 1 %

EXCLUDE QUOTES OFF

EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES

OFF

EXCLUDE MATCHES

OFF